TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2017/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Ông Trương Minh Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 308/2017/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1982 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp ĐG, xã TT, huyện ĐD, tỉnh CM.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1972 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp ĐG, xã TT, huyện ĐD, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Vào năm 2003, chị và anh K kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD, tỉnh CM.

- *Về nguyên nhân mâu thuẫn*: Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vào đầu năm 2017, anh K bỏ nhà đi và không về nhà chung sống với chị, hiện anh K đang sống chung với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Nay chị không còn tình cảm với anh K nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, chị và anh K có 03 người con chung tên Nguyễn Trúc N, sinh ngày 12/7/2004, Nguyễn Hằng N, sinh ngày 26/02/2006 và Nguyễn Ái N, sinh ngày 17/3/2008, hiện Trúc N và Ái N đang sống chung với chị và gia đình bên ngoại, còn Hằng N sống chung với cha và gia đình bên nội. Khi ly hôn, việc nuôi con chung chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Trần Thị Q, bị đơn anh Nguyễn Văn K là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh K, nhưng anh K không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của chị Q. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh K vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. *Xét thấy*: Nội dung khởi kiện của chị Q thì anh K đã biết, nhưng anh K vẫn mặc nhiên, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Q về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 2003, chị Q và anh K chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, đến ngày 10/6/2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD, tỉnh CM. Như vậy, theo Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh K được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] *Xét nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Theo chị Q xác định, trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vào đầu năm 2017, anh K bỏ nhà đi và không về nhà chung sống với chị, hiện anh K đang sống chung với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Đối với anh K, mặc dù anh đã biết được nội dung khởi kiện của chị Q, nhưng anh K không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản bác những nguyên nhân mâu thuẫn do chị Q nêu ra. Như vậy, anh K đã từ bỏ các quyền của anh được quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định là anh K đã chấp nhận những nguyên nhân mâu thuẫn mà chị Q trình bày.

[5] Tại phiên tòa chị Q thừa nhận, trong thời gian chị và anh K ly thân, nhưng cả chị và anh K không ai có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ

chồng và hiện nay chị không còn tình cảm đối với anh K. Nay chị Q xác định mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị cương quyết xin được ly hôn với anh K. *Xét thấy*: Mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị Q và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q về quan hệ hôn nhân.

[6] *Xét yêu cầu của chị Q về nuôi con chung, chia tài sản và nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Tại đơn khởi kiện, cũng như tại phiên tòa chị Q xác định, về nuôi con chung chị và anh K tự thỏa thuận, về chia tài sản và nợ không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh K thì không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Q về nuôi con chung, chia tài sản và nợ. *Xét thấy*: Đây là quyền định đoạt của chị Q và anh K nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị Q và anh K có phát sinh tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] *Về án phí hôn nhân và gia đình*:

- Anh K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

- Anh Nguyễn Văn K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Chị Trần Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ, ngày 09/8/2017 chị Q có nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ,

biên lai số 0009048 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

3. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh